

Số: 607/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 16 tháng 06 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 577/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số N đường P, Phường M, quận G

và ông Dương Trọng N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số M ấp T, xã T, huyện H, TPHCM.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa Bà Nguyễn Hoàng N và ông Dương Trọng N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyển số 01/2008 ngày 18/11/2008 tại UBND Phường 14, quận G.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 18/5/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/6/2020, Bà Nguyễn Hoàng N và ông Dương Trọng N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 trẻ tên Dương Nhật P, sinh ngày 11/05/2010. Giao ông Dương Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Dương Trọng N Bà Nguyễn Hoàng N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về việc chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông N và bà N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận Bà Nguyễn Hoàng N và ông Dương Trọng N thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyển số 01/2008 ngày 18/11/2008 tại UBND Phường 14, quận G, hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao ông Dương Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Dương Nhật P, sinh ngày 11/05/2010.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Tòa án không giải quyết.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Hoàng N và ông Dương Trọng N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0026174 ngày 25/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đường sù;
- VKSND Q.GV
- UBND P14,  
Q Gò Vấp
- CCTHADS Q.GV;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thùy Trang**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].